

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15-02-2023

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Công Hoàn

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Minh Sơn và bà Đỗ Thị Thu Hương

Thư ký phiên tòa: bà Lê Ngọc Hoàng Anh là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: bà Đinh Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 802/2022/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2022/QĐXX-ST ngày 27 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Thanh H, sinh năm: 1958; địa chỉ: số 66b, đường Tô Vĩnh Diện, Phường 7, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt*

2. Bị đơn: Bà Hồ Thị T, sinh năm: 1955; địa chỉ: số 66b, đường Tô Vĩnh Diện, Phường 7, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Trần Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông và bà Hồ Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đắc Liêng, huyện L, tỉnh Đắk Lắk vào năm 1989. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc cho đến năm 2015 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong vấn đề làm ăn kinh tế, trong vấn đề bà T đối xử với gia đình bên nội. Trên thực tế hai vợ chồng đã không còn

chung sống với nhau khoảng 03 năm trở lại đây, trong thời gian không chung sống thì hai bên có liên lạc nhưng không quan tâm lẫn nhau về mặt tình cảm. Nay ông xác định tình cảm với bà T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà T.

Về con chung: ông xác nhận vợ chồng có 01 người con chung là anh Trần Đình Bửu L, sinh năm 1992, hiện đã trưởng thành, thể chất và sức khỏe phát triển bình thường, anh L cũng đã lập gia đình nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết liên quan đến người trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành việc tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn bà Hồ Thị T nhưng sau thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận được Thông báo thụ lý vụ án thì bà T không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của ông H, đồng thời không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh bảo vệ quyền lợi cho mình. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 27-12-2022, bị đơn ông bà Hồ Thị T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, trong khi đó ông H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Riêng đối với phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ Tòa án tiến hành vắng mặt bà Hồ Thị T, sau đó đã thông báo kết quả cho bà Hồ Thị T theo thủ tục chung nhưng không có ý kiến phản hồi.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Trần Thanh H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn đối với bà Trần Thị T. Bị đơn bà Hồ Thị T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, các đương sự và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án. Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh H, giải quyết cho ông Trần Thanh H được ly hôn với bà Trần Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Hồ Thị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: theo Giấy chứng nhận kết hôn đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đắc Liêng, huyện L, tỉnh Đắc Lắc vào năm 1989; lời khai của ông Trần Thanh

H đã đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa ông Trần Thanh H và bà Hồ Thị T là hôn nhân hợp pháp. Qua xem xét thực tế thấy rằng, cuộc sống hôn nhân giữa ông H và bà T hạnh phúc cho đến khoảng năm 2015 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong vấn đề làm ăn kinh tế, trong vấn đề đối xử với gia đình bên nội. Trên thực tế thì vợ chồng đã không còn chung sống với nhau trong khoảng thời gian 03 năm trở lại đây, trong thời gian không chung sống thì hai bên không liên lạc, thăm hỏi gì lẫn nhau, mạnh ai nấy sống, sự việc này cho thấy cả hai bên đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ vợ chồng, vi phạm nguyên tắc tình nghĩa vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, đã có đủ cơ sở khẳng định quan hệ hôn nhân giữa hai bên đã ở mức độ mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn. Ông H có nguyện vọng ly hôn, Tòa án đã thông báo cho bà T được biết sự việc này theo thủ tục chung nhưng bà T không có ý kiến gì, do đó căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho ông H được ly hôn với bà T.

[3] Về con chung: ông Trần Thanh H xác nhận vợ chồng có 01 người con chung là anh Trần Đình Bửu L, sinh năm 1992, lời khai này phù hợp với bản sao giấy khai sinh do ông H xuất trình nên đủ cơ sở xác định con chung của ông H và bà T là anh Trần Đình Bửu L, sinh năm 1992. Qua xem xét thì thấy, hiện anh L đã trưởng thành, thể chất, sức khỏe phát triển bình thường nên không cần xem xét đến trách nhiệm nuôi dưỡng

[4] Về tài sản chung: ông H khai nhận sẽ tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: ông H xác nhận không có. Trong khi đó, bà T không có ý kiến gì về nội dung này nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trần Thanh H do thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh H về việc “Ly hôn”. Giải quyết cho ông Trần Thanh H được ly hôn với bà Trần Thị T.

2. Về án phí: miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trần Thanh H.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- VKSND thành phố Đ;
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- UBND xã Đăk Liêng, huyện L, tỉnh Đăk Lăk;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án; bộ phận lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Công Hoàn

